TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày 30/5/2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang.

2. Ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị L (sau đây viết tắt là chị L) trình bày:*

Chị và anh Đỗ Văn S (sau đây viết tắt là anh S) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011 ngày 11/11/2011. Quá trình chung sống, giữa chị và anh S xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do anh S thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bạc và bất đồng quan điểm. Mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn; hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vì tình cảm không còn và vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Chị và anh S có 02 (hai) con chung là các cháu Đỗ Hoàng B, sinh ngày 01/02/2013 và Đỗ Bá K, sinh ngày 29/9/2016 (sau đây viết tắt là cháu B, K), hiện đang được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu B, K và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu B, K đủ 18 tuổi.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

** Tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Văn S trình bày:*

Anh và chị Lê tự n kết hôn và có các con chung là cháu B, K đúng như chị L đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị L còn có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác; năm 2021 khi anh làm việc ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thì chị L tự ý dẫn các con đi nơi khác sinh sống. Sau khi anh trở về địa phương thì anh cố gắng thuyết phục chị Lê q trở về để đoàn tụ chung sống nhưng chị L không đồng ý và cũng không quan tâm chăm sóc cho anh. Mặc dù có mâu thuẫn như đã nêu nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê v mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy các con trưởng thành.

Hiện nay anh chưa có việc làm và dự kiến sẽ đi làm việc ở tỉnh thành khác trong thời gian tới nên anh không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao các cháu B, K cho chị L nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giao các con chung là các cháu B, K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản nên không giải quyết trong vụ án này; buộc chị L và anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011, ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị L và anh S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp.

Mặc dù chị L và anh S trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thiếu tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau; kể từ năm 2021 đến nay, chị L và anh S không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Những điều này đã thể hiện chị L và anh S vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định chị L và anh S có 02 (hai) con chung là các cháu B, K. Kể từ ngày chị L và anh S không còn sống chung cho đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu B, K được đảm bảo, phát triển về mọi mặt. Ngoài ra, các cháu B, K còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ nhiều hơn; cháu B cũng có nguyện vọng tiếp tục sinh sống cùng với chị L, trong khi đó chị L có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con nên nhằm ổn định việc sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu B, K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này, chị L có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu B, K mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng thực tế của anh S và nhu cầu thiết yếu của các con.

[4] Chị L và anh S không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên nên căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

[5] Chị Lê p chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và anh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 147, 150 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 150, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Huỳnh Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn S.

2. Giao cháu Đỗ Hoàng B, sinh ngày 01/02/2013 và cháu Đỗ Bá K, sinh ngày 29/9/2016 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đỗ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để chị Huỳnh Thị L thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Buộc anh Đỗ Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đỗ Hoàng B và Đỗ Bá K mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng); thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 30/5/2023 cho đến khi các cháu Đỗ Hoàng B, Đỗ Bá K đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chị Huỳnh Thị Lê p1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Huỳnh Thị L đã nộp tạm ứng tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005181 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Anh Đỗ Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đô